

Số: 05/NQ-HĐQT/2022

Phú Mỹ, ngày 27 tháng 05 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GỐM XÂY DỰNG MỸ XUÂN**  
**Nhiệm kỳ 4 – phiên thứ 5 năm 2022**

Căn cứ Luật doanh nghiệp Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;  
Căn cứ Luật chứng khoán Việt Nam số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;  
Căn cứ Điều lệ của công ty cổ phần gạch ngói gốm XD Mỹ Xuân;  
Theo biên bản họp phiên họp HĐQT số 05/BB-HĐQT/2022.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông nhất Chi cổ tức đợt 2 của năm 2021

- |                     |                                    |
|---------------------|------------------------------------|
| + Mức chia          | : <b>8,5% vốn điều lệ</b>          |
| + Thời gian chi trả | : <b>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</b> |

**Điều 2:** Thống nhất thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt (AASCN)

Là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính trong kỳ kế toán năm 2022.

**Điều 3 :** Giao Tổng Giám Đốc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này của Hội đồng quản trị theo đúng Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS, Ban điều hành;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**DU QUỐC TRUNG**

01/NQ.ĐHĐCĐ.2022

Hắc Dịch, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN**  
**PHIÊN HỌP NGÀY 28-04-2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần gạch ngói gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
- Căn cứ vào biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT NGHỊ**

**1. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán:**

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	142.713.381.102	154.063.880.521	7,95%
Doanh thu thuần	264.729.442.807	213.997.120.263	-19,16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.053.643.179	29.299.335.050	-16,42%
Lợi nhuận khác	(737.187.164)	109.051.441	-114,79%
Lợi nhuận trước thuế	34.316.456.015	29.408.386.491	-14,30%
Lợi nhuận sau thuế	27.062.201.128	23.445.624.653	-13,36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	26%	30,00%
- Thanh toán Đợt 2/2019 (thanh toán bằng tiền)	10%		
- Thanh toán Đợt 1/2020 (thanh toán bằng tiền)	10%		
- Thanh toán Đợt 2/2020 (chia cổ phiếu tăng VDL)		20%	
- Thanh toán Đợt 1/2021 (thanh toán bằng tiền)		6%	

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán: với tỷ lệ biểu quyết 100%.

## 2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2021	So sánh % thực hiện với	
	Năm 2020	Năm 2021		Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020
Doanh thu thuần	264.729.442.807	213.997.120.263	250.726.509.754	85,35%	80,84%
Giá vốn hàng bán	181.561.142.035	146.758.015.312	168.224.305.110	87,24%	80,83%
Lợi nhuận gộp	83.168.300.772	67.239.104.951	82.502.204.644	81,50%	80,85%
Doanh thu HĐTC	293.353.520	383.011.607	150.000.000	255,34%	130,56%
Chi phí kinh doanh	48.408.011.113	38.322.781.508	50.622.204.644	75,70%	79,17%
Lợi nhuận kinh doanh	35.053.643.179	29.299.335.050	32.030.000.000	91,47%	83,58%
Lợi nhuận khác	(737.187.164)	109.051.441			-14,79%
Lợi nhuận trước thuế	34.316.456.015	29.408.386.491	32.030.000.000	91,82%	85,70%
Thuế thu nhập DN	7.254.254.887	5.962.761.838	6.406.000.000	93,08%	82,20%
Lợi nhuận sau thuế	27.062.201.128	23.445.624.653	25.624.000.000	91,50%	86,64%

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán: với tỷ lệ biểu quyết 100%.

## 3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền			Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng	
I	Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.401.700.441			
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		24.956.075.788			

2	Lợi nhuận sau thuế TNDN phát sinh năm 2021		23.445.624.653			
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>		<b>34.546.831.711</b>	<b>8.265.423.966</b>	<b>20.016.413.223</b>	
<b>1</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021</b>		<b>11.750.989.257</b>	<b>8.265.423.966</b>	<b>20.016.413.223</b>	
1.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.2	Chi cổ tức	55,9%	5.420.670.600	7.679.283.350	13.099.953.950	
1.2.1	- Bằng tiền (Đợt 1: 6% VDL)	23,1%	5.420.670.600		5.420.670.600	
1.2.2	- Bằng tiền (Đợt 2: 8,5% VDL)	32,8%		7.679.283.350	7.679.283.350	
1.3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	4.689.124.931		4.689.124.931	
1.4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	2,5%	0	586.140.616	586.140.616	
1.5.1	- Trích thưởng hoàn thành kế hoạch	2,5%		586.140.616	586.140.616	
1.5.2	- Trích thưởng (40 % vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2021)	0,0%			0	
1.6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	468.912.493		468.912.493	
1.7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (trích để lại trên LNCPP)	1,0%	234.456.247		234.456.247	
<b>2</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước</b>		<b>22.795.842.454</b>			

2.1	Trích quỹ Thường HĐQT, BKS, BDH theo nghị quyết Đại hội ĐCĐTN năm 2021 ngày 28/04/2021		113.857.394			Thưởng hoàn thành KHLN 2020
2.2	Chi cổ tức Đợt 2 năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20 (danh sách chốt quyền ngày 30/07/2021)		10.628.170.000			Tăng vốn điều lệ
2.3	Chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:50 (danh sách chốt quyền ngày 30/07/2021)		12.053.815.060			Tăng vốn điều lệ
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		<b>13.854.868.730</b>	<b>3.429.211.430</b>	<b>5.589.444.764</b>	
1	- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		2.160.233.334		2.160.233.334	
2	- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021	14,6%	11.694.635.396	3.429.211.430	3.429.211.430	3.663.667.677

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

#### 4. Kết quả đầu tư phát triển năm 2021.

\* Giá trị đầu tư năm 2021:

Đơn vị tính : Đồng

Stt	Tên công trình, thiết bị	Giá trị kế hoạch		Thực hiện 2021	
		XDDD kế hoạch 2020	Kế hoạch 2021	Giá trị hoàn thành sử dụng	XDDD cuối kỳ
<b>A</b>	<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>		<b>1.250.000.000</b>	<b>97.000.000</b>	
1	Sửa lò (Nung, sấy+ Mini ngói)		800.000.000		

2	Nền sân, nhà xưởng, mương thoát..v.v		300.000.000		
3	Các công việc sửa chữa khác		150.000.000	97.000.000	
	- Máy ủi D155			97.000.000	
<b>B</b>	<b>Xây dựng và đầu tư mới</b>	<b>3.492.230.647</b>	<b>24.265.559.496</b>	<b>17.199.180.105</b>	<b>42.933.486.489</b>
<b>I</b>	<b>Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Mỹ Xuân</b>	<b>1.277.548.829</b>	<b>20.465.559.496</b>	<b>17.199.180.105</b>	
1	Lò sấy ngói DC1	106.562.870		106.562.870	
2	Hệ nghiền khô	1.170.985.959	14.190.563.000	13.395.118.144	
2.1	Thiết bị, lắp đặt	416.440.504	8.683.559.496	8.256.603.598	
	- Móng và thân hệ nghiền khô	416.440.504		416.440.504	
	- Hệ băng tải			224.648.958	
	- Hệ máy nghiền khô			7.615.514.136	
2.2	Trạm biến áp 800KVA và đường dây 22KV	754.545.455		754.545.455	
2.3	Mặt bằng, nhà bao bao che bãi chứa		4.284.000.000	4.383.969.091	
6	Nhà xưởng nối dài dây chuyền 3		900.000.000		
7	Nhà xưởng DC 2		648.000.000	682.640.000	
8	Xe cuốc 1.2 m3 (Xe đào)		1.500.000.000	1.131.818.182	
9	Xe xúc Komatsu 2,5 m3		1.300.000.000		
10	Xe ben chở đất nghiền		1.300.000.000	1.343.040.909	
11	Xe nâng 3.5 T		350.000.000		
12	Máy phay CNC + máy cắt dây		900.000.000	540.000.000	

13	Máy ép cường độ gạch		100.000.000		
14	Khác		500.000.000		
<b>II</b>	<b>Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Châu Đức</b>	<b>2.214.681.818</b>	<b>3.800.000.000</b>		<b>42.933.486.489</b>
1	Chi phí khảo sát lập bản đồ hiện trạng nhà máy	30.500.000			30.500.000
2	Chi phí khôi phục tọa độ, cắm mốc ranh giới ( <i>cắm 86 mốc</i> )	43.272.727			43.272.727
3	Chuyển nhượng vốn Công ty TNHH Phú Mỹ Xuân	2.000.000.000			2.000.000.000
4	Đường vào Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức ( <i>khảo sát địa hình, lập BC KT-KT</i> )	140.909.091			140.909.091
5	Nhà điều hành Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		300.000.000		181.953.164
6	Đường vào nhà máy ( <i>đất chuyển nhượng từ hộ dân</i> )		3.500.000.000		2.677.500.000
7	Hạng mục đầu tư ( <i>theo Tổng dự toán đã thông qua ĐHCĐ 28/04/21</i> )				37.859.351.507
	- Đất chuyển nhượng (từ hộ dân)				9.342.553.000
	- Chuyển nhượng DA Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức (*)				10.608.754.000
	- Chuyển nhượng DA Nhà máy gạch ngói Châu Đức(*)				17.759.863.413
	- Chi phí Ban quản lý dự án				148.181.094
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.492.230.647</b>	<b>25.515.559.496</b>	<b>17.296.180.105</b>	<b>42.933.486.489</b>

(\*) Đây là khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan đến việc thực hiện chuyển nhượng Dự án Mỏ Sét; Nhà máy Sản xuất Gạch Ngói tại Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa Công ty TNHH Xây lắp – Dịch vụ Tân Thịnh và Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân..

**\* Đầu tư tài chính :**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu là 20.000 Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, với mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm và lãi suất là 6,500%/năm (năm 2020: 7,525%/năm).

*Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kết quả đầu tư phát triển năm 2021 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.*

**5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
<b>I. Sản lượng sản xuất</b>	<b>Viên QTC</b>	<b>74.575.873</b>
<b>II. Sản lượng tiêu thụ</b>		
- Gạch xây dựng	Viên QTC	61.839.680
- Sản phẩm trang trí	Viên QTC	12.736.193
- Ngói màu	Viên QTC	3.100.000
- Sản phẩm trang trí thương mại	Viên QTC	389.600
- Sản phẩm tráng men	Viên QTC	459.000
<b>II. Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu thuần (gồm doanh thu khác)	Đồng	235.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	30.748.800.000
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	25.624.000.000

*Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100%.*

**6. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022**

*Đơn vị tính : Đồng*

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền	Ghi chú
I	Nguồn lợi nhuận chưa phân phối		<b>31.213.444.764</b>	



1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.589.444.764	
2	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022		25.624.000.000	
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>		<b>21.110.757.000</b>	
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	2,0%	512.480.000	
3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	5.124.800.000	
4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	512.480.000	
5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	2,5%	640.600.000	
6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	512.480.000	
7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (trích để lại trên LNCPP)	1,0%	256.240.000	
8	Chi cổ tức bằng tiền (10% VDL sau phát hành cổ phiếu)	52,9%	13.551.677.000	VĐL dự kiến sau phát hành: 135.579.230.000VND
<b>III</b>	<b>Phân phối lợi nhuận năm trước</b>			
<b>IV</b>	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		<b>10.102.687.764</b>	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		5.589.444.764	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	17,6,0%	4.513.243.000	2.733.824.424

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

### 7. Kế hoạch Đầu tư phát triển 2022 :

\* Đầu tư xây dựng tại Nhà máy sản xuất Mỹ Xuân.

Đơn vị tính : Ngàn đồng

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Sửa chữa		1		450.000	

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nền sân, nhà xưởng, mương thoát..v..v	Hệ	1	300.000	300.000	
2	Các công việc sửa chữa khác	Hệ	1	150.000	150.000	
<b>B</b>	<b>Xây dựng và đầu tư mới</b>				<b>6.324.000</b>	
1	Hệ thống thoát nước DC1				1.294.000	
2	Nhà xưởng nối dài DC3	m2	1200	800	960.000	
3	Xe xúc 2,5 - 3 m3	Cái	1	1.300.000	1.300.000	
4	Xe nâng 3.5 T	Cái	1	350.000	350.000	
5	Máy nén khí trục vít 30HP	Cái	1	120.000	120.000	
6	Máy phát điện 400 KVa	Cái	1	700.000	700.000	
7	Xi-lông lọc bụi hệ nghiền khô	Cái	1	600.000	600.000	
8	Máy cắt dây	Cái	1	400.000	400.000	
9	Máy ép cường độ gạch	Cái	1	100.000	100.000	
10	Khác				500.000	
<b>Tổng cộng (A + B)</b>					<b>6.774.000</b>	

\* Đầu tư xây dựng dự án Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Châu Đức.

Đơn vị tính : đồng

Khoản mục		ĐVT	Ghi chú	Giá trị (có thuế)
<b>Phần A- Nhà máy</b>				
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng, thiết bị</b>			<b>130.001.231.444</b>
	Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ		Theo bảng dự toán chi phí xây dựng	73.861.231.444
	Chi phí thiết bị		Theo bảng dự toán chi phí thiết bị	56.140.000.000
<b>2</b>	<b>Chi phí ban quản lý dự án</b>			<b>1.150.000.000</b>

<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>			<b>8.350.000.000</b>
	Chi phí đào tạo			200.000.000
	Chi phí chạy thử thiết bị CBTH và sấy lò			300.000.000
	Chi phí nghiệm thu, bàn giao, quyết toán			100.000.000
	Chi phí xin cấp điện, nước			50.000.000
	Chi phí lập hồ sơ hoàn công, tổng quyết toán			100.000.000
	Chi phí hệ thống PCCC			1.500.000.000
	Lãi vay trong thời gian xây dựng			6.100.000.000
<b>4</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		Theo Chi phí Xây dựng	<b>6.500.000.000</b>
	<b>Tổng giá trị</b>	<b>A</b>		<b>146.001.231.444</b>
<b><u>Phần B- Mỏ sét</u></b>				
<b>1</b>	Chi phí xây dựng Đường mỏ sét		Hợp đồng số 25/HĐXD.GMX.2021	11.199.656.000
<b>2</b>	Chi phí quản lý dự án		Theo Chi phí Xây dựng	359.409.731
<b>3</b>	Chi phí dự phòng		Theo Chi phí Xây dựng	133943.582
	<b>Tổng giá trị</b>	<b>B</b>		<b>11.693.009.313</b>
<b>Tổng giá trị đầu tư ( A + B )</b>				<b>157.694.240.757</b>

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

#### **8. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.**

Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2022 là : **920.000.000** đồng (Chín trăm hai mươi triệu đồng).

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao HĐQT và BKS năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100%.

#### **9. Thông qua mức thưởng đối với HĐQT, Ban Kiểm Soát, thư ký công ty Ban điều hành gồm: Ban Tổng Giám Đốc – Kế Toán Trưởng – Trưởng phó các Phòng Ban Xưởng SX**

Nội dung thưởng	Mức thưởng
a. Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2021	2.5% Lợi nhuận sau thuế
b. Hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận 2021	40% Lợi nhuận vượt kế hoạch (lợi nhuận sau thuế)

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

#### 10. Thông qua danh sách giao dịch với các Công ty liên quan.

STT	Tên Công Ty	Địa chỉ	Loại hình giao dịch
01	Công Ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Mã số : 3500870374; Đ/c KP Suối nhum, Phường Hắc dịch, TX Phú mỹ, BRVT	Cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng và mua bán sản phẩm
02	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Mã số : 3400518578; Đ/c Thôn An bình, Xã Sông phan, Huyện Hàm tân, Tỉnh Bình Thuận	Cung cấp phụ tùng vật tư và mua bán sản phẩm
03	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Gia Thy	Mã số : 0302999130; Đ/c 158-158A Đào Duy Anh, P9, Quận phú nhuận, HCM	Tiêu thụ sản phẩm
04	Công Ty TNHH TM DV Học Minh Thành	Mã số : 3501751524; Đ/c 40/6/1B Đường Lê Hồng Phong, P4 TP Vũng Tàu, Tỉnh BRVT	Tiêu thụ sản phẩm
05	Công Ty TNHH ĐT TM DV Lưu Kiến Lộc	Mã số : 3502255409, Đ/c Tổ 22 ấp thị vải, phường mỹ xuân, thị xã phú mỹ, tỉnh BRVT	Tiêu thụ sản phẩm

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

#### 11. Chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.

Giao quyền chủ động Ban Kiểm Soát xem xét giới thiệu đơn vị có chức năng nằm trong danh sách Doanh nghiệp kiểm toán niêm yết của UBCK Nhà nước công nhận.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

#### 12. Thông qua tờ trình chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng Vốn Điều lệ năm 2022

- Thời gian dự kiến phát hành từ quý III đến quý IV năm 2022

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

### 13. Sửa đổi điều lệ.

- Điều chỉnh vốn điều lệ từ 53.206.940.000 đồng lên 90.406.970.000 đồng.
- Điều chỉnh ngành nghề đăng ký đầu tư mã số 4659 cụ thể.

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh trước khi điều chỉnh	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau khi điều chỉnh
5	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : Mua bán máy móc - thiết bị ngành xây dựng, máy móc chuyên dùng;	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : Mua bán máy móc - thiết bị ngành xây dựng, máy móc chuyên dùng; <i>(trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>



Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được các đại biểu tham dự cuộc họp nhất trí biểu quyết thông qua **100%** vào hồi **11<sup>h</sup>45** ngày 28 tháng 4 năm 2022.

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

**Công ty cổ phần gạch ngói gốm XD Mỹ Xuân**

**Chủ tọa**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**DƯ QUỐC TRUNG**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 3500640966**

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 12 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 03 tháng 11 năm 2021

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XÂY DỰNG MỸ XUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MY XUAN BRICK TILE POTTERY AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GMX

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Khu Phố Suối Nhum, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0254.3876770

Fax: 0254.3894168

Email: gmx@myxuan-vt.com.vn

Website: www.myxuan-vt.com.vn

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 90.406.970.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 9.040.697

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/03/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036067006278

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

HUNG THỰC DAN SAG DUNG VOI BAN KHU

Số chứng thực: 1945... quyền số 1... /CT

Ngày: 16 tháng 1 năm 2022

Địa chỉ thường trú: 16/31/27 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 28 Huỳnh Khương Ninh, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam



Nguyễn Văn Sơn



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Lương